

Số 2150/QĐ-UBND

Bà Rịa, ngày 15 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế về quản lý công tác thi đua, khen thưởng
trên địa bàn thành phố Bà Rịa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26/11/2003, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14/6/2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu Ban hành Quy chế về quản lý công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh;

Theo Tờ trình số 153/TTr-PNV ngày 07/5/2018 của phòng Nội vụ thành phố về việc đề nghị Ban hành Quy chế quản lý công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn thành phố Bà Rịa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về quản lý công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn thành phố. Quy chế gồm 10 chương và 32 điều.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố; Trưởng phòng Nội vụ thành phố; Thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp, cơ quan Đảng, Đoàn thể thành phố, doanh nghiệp Nhà nước và Chủ tịch UBND các xã, phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận :

- Sở Nội vụ (Ban ĐĐ-KT tỉnh);
- TT.TU, TT.HĐND TP;
- CT, các PCT.UBND TP;
- Như điều 3;
- Lưu VT-TH. /



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Hoàng



QUY CHẾ

Về quản lý công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn thành phố Bà Rịa

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21.50/QĐ-UBND ngày 15/5/2018
Của UBND thành phố Bà Rịa)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về: Phạm vi, đối tượng, nguyên tắc thi đua, khen thưởng; tổ chức thi đua, đối tượng, tiêu chuẩn xét danh hiệu thi đua; đối tượng, tiêu chuẩn xét khen thưởng; thẩm quyền quyết định, xét duyệt trao tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng; quy trình, phương pháp bình xét các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng; thủ tục hồ sơ, thời gian trình hồ sơ khen thưởng và quản lý hồ sơ khen thưởng; quỹ thi đua, khen thưởng; Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp; kiểm tra, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại tố cáo về thi đua, khen thưởng.

Các nội dung về công tác thi đua, khen thưởng có liên quan khác không được quy định trong văn bản này thì được thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan Đảng, cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể, tổ chức xã hội và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc thành phố.
2. Các đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân.
3. Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc thành phố.
4. Các cơ quan, đơn vị tỉnh đóng trên địa bàn thành phố có tham gia đăng ký thi đua với thành phố.
5. Công dân thành phố.
6. Tập thể và cá nhân ở các địa phương khác có thành tích và công lao đóng góp trong sự nghiệp xây dựng và phát triển thành phố Bà Rịa.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Nguyên tắc thi đua:
 - a) Tự nguyện, tự giác, công khai;
 - b) Đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển;

2. Nguyên tắc khen thưởng:

a) Chính xác, công khai, công bằng, kịp thời;

b) Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng. Không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được. Chỉ lấy kết quả khen thưởng về thành tích toàn diện để làm căn cứ xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng. Kết quả khen thưởng phong trào thi đua theo đợt được ghi nhận và ưu tiên khi xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng;

c) Bảo đảm thống nhất giữa tính chất, hình thức và đối tượng khen thưởng. Hình thức khen thưởng phải phù hợp với đối tượng, chức năng, nhiệm vụ được giao của tập thể, cá nhân và thành tích đạt được;

d) Kết hợp chặt chẽ động viên tinh thần với khuyến khích bằng lợi ích vật chất;

đ) Đảm bảo nguyên tắc bình đẳng giới trong thi đua, khen thưởng. Khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ hoặc tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng. Đối với cán bộ lãnh đạo quản lý là nữ thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình công hiến được giảm 1/3 thời gian so với quy định chung; trường hợp quy định tuổi nghỉ hưu cao hơn thì thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình công hiến được thực hiện theo quy định chung;

e) Khen thưởng phải căn cứ vào điều kiện, tiêu chuẩn và thành tích đạt được không nhất thiết phải có hình thức khen thưởng mức thấp mới được khen thưởng mức cao hơn. Chú trọng khen thưởng tập thể nhỏ và cá nhân là người trực tiếp lao động, sản xuất, học tập, công tác hoặc chiến đấu, phục vụ chiến đấu;

g) Không xét, đề nghị khen thưởng đối với các tập thể sau: Đảng bộ, chi bộ đạt loại yếu kém; đơn vị để xảy ra lãng phí, tham nhũng gây thiệt hại, thất thoát tài sản của Nhà nước; hồ sơ đề nghị khen thưởng không đúng thời gian, báo cáo thành tích không thể hiện thành tích và đầy đủ các nội dung theo quy định;

h) Không xét, đề nghị khen thưởng đối với các cá nhân sau: vi phạm kỷ luật dưới mọi hình thức; hồ sơ đề nghị khen thưởng không đúng thời gian, báo cáo thành tích không thể hiện thành tích và đầy đủ các nội dung theo quy định;

i) Chưa khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng tập thể, cá nhân đang trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc đang điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ;

k) Thời gian trình khen thưởng lần tiếp theo được tính theo thời gian lập được thành tích ghi trong quyết định khen thưởng lần trước. Đối với quyết định khen thưởng không ghi thời gian lập được thành tích thì thời gian trình khen thưởng lần sau được tính theo thời gian ban hành quyết định khen thưởng lần trước.

Chương II
TỔ CHỨC THI ĐUA, DANH HIỆU THI ĐUA
VÀ ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA
Mục 1
TỔ CHỨC THI ĐUA

Điều 4. Hình thức tổ chức thi đua và nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Hình thức tổ chức thi đua thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Nội dung tổ chức phong trào thi đua thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Tùy theo mục tiêu và phạm vi thi đua, thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt) có thể tổ chức với quy mô rộng lớn trong nhiều ngành, địa phương, không bó hẹp trong một cơ quan, tổ chức, đơn vị. Mốc thời gian phát động thi đua quy định là hàng năm, 01 năm, 05 năm, 10 năm... Khi tiến hành sơ kết, tổng kết, lãnh đạo các tổ chức, cơ quan, đơn vị thực hiện việc khen thưởng theo thẩm quyền. Trường hợp tổ chức trong phạm vi toàn thành phố, cơ quan, đơn vị tổ chức phong trào thi đua lựa chọn những tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc đề nghị Chủ tịch UBND thành phố tặng Giấy khen.

Điều 5. Đăng ký thi đua (đối với thi đua thường xuyên)

1. Các tập thể, cá nhân khi tham gia phong trào thi đua phải thực hiện đăng ký thi đua, xác định mục tiêu, chỉ tiêu thi đua.

2. Hàng năm, các cụm, khối thi đua và các cơ quan, đơn vị tổ chức đăng ký thi đua và ký kết giao ước thi đua trong cụm, khối và trong cơ quan, đơn vị. Nội dung đăng ký bao gồm:

a) Nội dung, chỉ tiêu thi đua bảo đảm phù hợp với nhiệm vụ chính trị của cụm, khối và cơ quan, đơn vị;

b) Đăng ký các danh hiệu thi đua thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị; Chủ tịch UBND thành phố; UBND tỉnh; Chủ tịch UBND tỉnh; Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

c) Thời gian đăng ký thi đua trước ngày 15 tháng 02 hàng năm; đối với sự nghiệp giáo dục và đào tạo trước ngày 15 tháng 10 hàng năm;

d) Tập thể, cá nhân không đăng ký thi đua thì không được xem xét, công nhận các danh hiệu thi đua.

Điều 6. Trách nhiệm tổ chức phong trào thi đua

1. Chủ tịch UBND thành phố có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức, phát động phong trào thi đua trên địa bàn thành phố.

2. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp, các cơ quan Đảng, Đoàn thể thành phố, doanh nghiệp Nhà nước có tham gia đăng ký thi đua tại thành phố và Chủ tịch UBND các xã, phường (gọi tắt là các cơ quan, đơn vị) có trách nhiệm tổ chức phát động, chỉ đạo tổ chức triển khai phong trào thi đua trong phạm vi quản lý; chủ động phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng; tuyên truyền, tôn vinh các điển hình tiên tiến và tạo điều kiện để tập thể, cá nhân được khen thưởng huân chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được trao đổi, giao lưu, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng những sáng kiến, mô hình hay, cách làm hiệu quả.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể thành phố trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức mình, tổ chức và phối hợp với các cơ quan Nhà nước để tuyên truyền, động viên đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng. Tổ chức giám sát việc thực hiện pháp luật về thi đua, khen thưởng; kịp thời phản ánh, đề xuất các giải pháp để thực hiện các quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản pháp luật có liên quan.

4. Các cơ quan thông tin đại chúng có trách nhiệm thường xuyên tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng, về các phong trào thi đua yêu nước. Phát hiện, phản ánh các điển hình tiên tiến trong các phong trào thi đua, những mô hình mới, cách làm hay, gương người tốt, việc tốt để phổ biến, nhân rộng, cổ vũ phong trào thi đua yêu nước của thành phố; đồng thời đấu tranh, phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Mục 2

ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN VÀ TỶ LỆ XÉT DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 7. Đối tượng, tiêu chuẩn, tỷ lệ xét tặng danh hiệu thi đua đối với tập thể

1. Danh hiệu “Cờ Thi đua của UBND tỉnh”:

a) Đối tượng xét tặng: Xét tặng cho tập thể là đơn vị thành viên thuộc cụm, khối thi đua do UBND tỉnh tổ chức;

b) Tiêu chuẩn xét tặng: Thực hiện theo quy định tại Điều 26 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003 và Điều 12 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP;

c) Tỷ lệ xét tặng: UBND tỉnh có quy định riêng.

2. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”:

a) Đối tượng xét tặng: Xét tặng cho các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc thành phố; các cơ quan Đảng, UBMTTQ và các Đoàn thể thành phố; UBND các xã, phường;

b) Tiêu chuẩn xét tặng: Thực hiện theo quy định tại Điều 27 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003;

c) Tỷ lệ xét tặng: Không quá 30% trong tổng số tập thể đạt danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” thuộc đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” nêu tại điểm a khoản này.

3. Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”:

a) Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng: Thực hiện theo quy định tại Điều 28 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003;

b) Tỷ lệ xét tặng: Không quá 80% trong tổng số các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố (80% các cơ quan, đơn vị trong các cụm, khối thi đua thuộc thành phố) Đối với ngành Giáo dục và Đào tạo xét chọn không quá 80% trong tổng số các trường học trực thuộc thành phố.

Điều 8. Đối tượng, tiêu chuẩn, tỷ lệ xét tặng danh hiệu thi đua đối với cá nhân

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”:

a) Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng: Thực hiện theo quy định tại Điều 22 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003 và khoản 2 Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

b) Tỷ lệ xét tặng: Không quá 20% trong tổng số cá nhân đủ tiêu chuẩn theo quy định. Khi tính tỷ lệ, nếu số dư quá bán thì được đề nghị thêm 01. Đối với các đơn vị không đủ số lượng để chọn theo tỷ lệ thì được chọn 01 cá nhân nhưng phải đảm bảo đủ tiêu chuẩn theo quy định.

2. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”:

a) Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng: Thực hiện theo quy định tại Điều 23 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003, khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 và khoản 3 Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

b) Tỷ lệ xét tặng: Không quá 15% trong tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” của cơ quan, đơn vị. Trong đó: 20% là cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo (Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương), 40% là công chức, viên chức không giữ chức vụ (chuyên viên, cán sự) và 40% là nhân viên, người lao động tại đơn vị.

Đối với những cơ quan, đơn vị có các đồng chí giữ chức vụ Bí thư, Phó Bí thư Thường trực Thành ủy, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy; Phó Chủ tịch HĐND thành phố; Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND thành phố, nếu đủ tiêu chuẩn thì xem xét công nhận, không tính chung vào tỷ lệ 15% của cơ quan, đơn vị. Đối với cá nhân

thuộc các Ban của HĐND thành phố thì tính vào tỷ lệ 15% của Văn phòng HĐND và UBND thành phố.

3. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”:

a) Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng: Thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 và Điều 10 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

b) Tỷ lệ xét tặng: Xét chọn không quá 20% trong tổng số cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tại đơn vị đề nghị thành phố tặng thưởng. Ngoài ra các cơ quan, đơn vị tùy theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ và khả năng quỹ thi đua khen thưởng, chủ động xét khen thưởng đối với danh hiệu “Lao động tiên tiến” cho phù hợp, đồng thời đề nghị UBND thành phố công nhận, nhằm đảm bảo đủ điều kiện đề nghị thành phố tặng thưởng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” và đề nghị tỉnh tặng thưởng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”.

Chương III ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 9. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

Thực hiện theo quy định tại điều 9 Quy chế về quản lý công tác thi đua, khen thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Điều 10. Giấy khen của Chủ tịch UBND thành phố

1. Khen thưởng thành tích thường xuyên:

a) Đối tượng, tiêu chuẩn: Thực hiện theo quy định tại khoản 42 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 và Điều 40 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

b) Số lượng khen thưởng:

- Đối với Ủy Ban Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể thành phố: mỗi đơn vị xét chọn 03 tập thể và 07 cá nhân thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể xã, phường đề nghị thành phố khen thưởng.

- Đối với các phường, xã: mỗi đơn vị xét chọn 05 tập thể (kể cả tập thể ở khu phố, ấp; tổ địa bàn dân cư) đề nghị thành phố khen thưởng (tránh trùng lặp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể thành phố đề nghị).

- Đối với các cơ quan, đơn vị trực thuộc: mỗi đơn vị xét chọn 20% trong tổng số tập thể tại đơn vị (tổ, đội) đề nghị thành phố khen thưởng.

- Khen thưởng cho các cơ quan, đơn vị thuộc ngành dọc đã có thành tích đóng góp vào sự phát triển kinh tế, xã hội của thành phố, mỗi đơn vị xét chọn 01 tập thể và 02 cá nhân.

- Khen thưởng cho các tổ chức Hội có tham gia thi đua tại thành phố, mỗi đơn vị xét chọn 01 tập thể và 01 cá nhân.

2. Khen thưởng thành tích đột xuất:

a) Tập thể, cá nhân lập được thành tích đột xuất theo quy định tại khoản 3 điều 13 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP. Trường hợp lập thành tích đặc biệt xuất sắc, phạm vi ảnh hưởng đối với thành phố, thì thủ trưởng cơ quan, đơn vị đề nghị Chủ tịch UBND thành phố xem xét khen thưởng. Cùng một thành tích đột xuất, nếu khen thưởng cho tập thể thì không khen thưởng cho cá nhân và ngược lại.

b) Khen thưởng cho các tập thể, cá nhân đạt giải nhất, nhì, ba, khuyến khích (hoặc tương đương) trong các hội thi, hội thao... do các cơ quan, đơn vị tổ chức được UBND thành phố phê duyệt.

3. Khen thưởng theo chuyên đề (hoặc theo đợt):

a) Đối tượng, tiêu chuẩn: Thực hiện theo quy định tại khoản 42 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 và khoản 1 Điều 13 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

b) Số lượng khen thưởng:

- Những chuyên đề từ 05 năm trở lên: 10 tập thể và 20 cá nhân.
- Những chuyên đề từ 03 năm đến dưới 05 năm: 07 tập thể và 15 cá nhân.
- Những chuyên đề từ 01 năm đến dưới 03 năm: 05 tập thể và 10 cá nhân.
- Những chuyên đề dưới 01 năm: 03 tập thể và 06 cá nhân.
- Đối với sự kiện đại hội nhiệm kỳ mới của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp của thành phố: số lượng đề nghị khen thưởng không quá 05 tập thể và 10 cá nhân.
- Đối với các cuộc vận động, phong trào thi đua do thành phố tổ chức phát động: số lượng cụ thể sẽ có phân bổ riêng.

Ngoài ra, căn cứ vào văn bản quy định khác và ý kiến chỉ đạo của Thành ủy, UBND thành phố làm căn cứ đề xuất khen thưởng cho phù hợp.

Điều 11. Giấy khen của Chủ tịch UBND xã, (phường)

1. Đối tượng, tiêu chuẩn: Thực hiện theo quy định tại khoản 42 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 và Điều 40 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Số lượng khen thưởng: UBND thành phố không quy định số lượng khen thưởng, các xã, phường căn cứ vào thực tế phong trào thi đua, mức độ hoàn thành nhiệm vụ và khả năng quỹ thi đua, khen thưởng được trích lập để quy định số lượng xét tặng Giấy khen trong đơn vị sao cho phù hợp.

Chương IV

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, XÉT DUYỆT, TRAO TẶNG CÁC DANH HIỆU THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 12. Thẩm quyền quyết định, đề nghị khen thưởng

1. Chủ tịch UBND tỉnh:

a) Quyết định tặng thưởng Bằng khen, công nhận danh hiệu “Cờ thi đua của UBND tỉnh”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”;

b) Xem xét, đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước tặng thưởng các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước (sau đây gọi chung là khen thưởng cấp Nhà nước);

c) Hiệp y khen thưởng với các bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương.

2. Chủ tịch UBND thành phố:

a) Quyết định tặng thưởng Giấy khen; công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, danh hiệu “Lao động tiên tiến”, danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, danh hiệu “Khu phố, ấp văn hoá”;

b) Đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xét, tặng thưởng Bằng khen, công nhận danh hiệu “Cờ thi đua của UBND tỉnh”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” và trình khen thưởng cấp Nhà nước.

3. Chủ tịch UBND các xã, phường:

a) Quyết định tặng thưởng Giấy khen, công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”, danh hiệu “Gia đình văn hóa”;

b) Đề nghị Chủ tịch UBND thành phố xét, công nhận danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cao hơn theo quy định.

4. Tổng Giám đốc doanh nghiệp Nhà nước :

Tổng Giám đốc doanh nghiệp Nhà nước quyết định tặng Giấy khen, công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến” và đề nghị Chủ tịch UBND thành phố công nhận danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, trong trường hợp được Chủ tịch UBND thành phố ủy quyền thì Tổng Giám đốc doanh nghiệp quyết định công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và trình khen thưởng cấp tỉnh, cấp Nhà nước theo quy định.

Điều 13. Thẩm quyền xét duyệt, cho ý kiến hồ sơ khen thưởng

1. Trình Ban Thường vụ Thành ủy Bà Rịa xem xét, cho ý kiến trước khi trình Ban Thi đua-Khen thưởng tỉnh xét, đề nghị Chính phủ, Chủ tịch Nước khen thưởng đối với các trường hợp khen thưởng cấp Nhà nước.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố chịu trách nhiệm xét duyệt hồ sơ đề nghị khen thưởng tổng kết năm và tổng kết năm học.

3. Phòng Nội vụ (Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố) có trách nhiệm thẩm tra, tổng hợp danh sách báo cáo, trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố xét, đề nghị các cấp khen thưởng.

Điều 14. Tuyên trình khen thưởng

1. Tuyên trình khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương nào chủ trì phát động các đợt thi đua theo chuyên đề, khi tổng kết khen thưởng sử dụng hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền, trường hợp đặc biệt tiêu biểu xuất sắc mới đề nghị cấp trên khen thưởng.

Điều 15. Tổ chức trao tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng

1. Tổ chức trao tặng:

a) Tổ chức trao tặng các danh hiệu, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, cấp tỉnh : khi có quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh thì các cơ quan, đơn vị có tập thể, cá nhân được khen thưởng phối hợp với cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua-Khen thưởng thành phố (phòng Nội vụ) để có kế hoạch hướng dẫn tổ chức trao thưởng;

b) Tổ chức trao tặng các danh hiệu, hình thức khen thưởng cấp thành phố : cơ quan, đơn vị có kế hoạch tổ chức trao trong Hội nghị sơ kết, tổng kết chuyên đề hay tổng kết năm;

c) Đối với các trường hợp được khen thưởng đột xuất Giấy khen của Chủ tịch UBND thành phố, Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh, khen thưởng cấp Nhà nước, giao phòng Nội vụ phối hợp với cơ quan, đơn vị đề nghị khen thưởng tổ chức trao tặng trực tiếp;

d) Không tổ chức đón rước các hình thức khen thưởng từ cấp này, địa điểm này đến cấp khác, địa điểm khác. Mỗi trường hợp được khen thưởng chỉ trao tặng và đón nhận một lần ở một cấp xét thấy có tác dụng giáo dục nêu gương tốt nhất.

2. Nghi thức trao tặng và tổ chức đón nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước thực hiện theo các điều khoản quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ Quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón tiếp khách nước ngoài. Yêu cầu buổi lễ phải được tổ chức trang trọng, thiết thực, hiệu quả và tiết kiệm, tạo sự phấn khởi, lòng tự hào, khí thế mới để tiếp tục thi đua lập thành tích cao hơn.

Chương V

QUY TRÌNH, PHƯƠNG PHÁP BÌNH XÉT

CÁC DANH HIỆU THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 16. Quy trình bình xét

1. Ngay từ đầu năm công tác hoặc năm học, các cơ quan, đơn vị tổ chức cho tập thể, cá nhân trong cơ quan, đơn vị tiến hành đăng ký thi đua theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này.

2. Kết thúc năm công tác hoặc năm học, các cơ quan, đơn vị tổ chức bình xét khen thưởng theo các bước sau:

Bước 1: Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở tổ chức xét sáng kiến;

Bước 2: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị tổ chức đánh giá xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc cơ quan, đơn vị và ra quyết định xếp loại;

Bước 3: Căn cứ kết quả xét sáng kiến và kết quả đánh giá xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở tổ chức bình xét các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo trình tự sau: Bình chọn cá nhân trước, tập thể sau; Danh hiệu thi đua trước, hình thức khen thưởng sau; Hình thức thấp, mức khen thấp tiến hành trước; Hình thức cao, mức khen cao tiến hành sau. Hội đồng họp khi có ít nhất 2/3 thành viên tham dự.

3. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương quyết định khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng theo thẩm quyền.

Điều 17. Phương pháp bình xét

1. Việc bình xét được thực hiện bằng hình thức giơ tay biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín. Riêng đối với danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Cờ Thi đua của UBND tỉnh”, “Cờ Thi đua của Chính phủ”, các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, khi bình xét bắt buộc phải bằng hình thức bỏ phiếu kín.

2. Cá nhân, tập thể được chọn đề nghị khen thưởng phải có ý kiến đồng ý của các thành viên Hội đồng từ 70% trở lên, tính trên tổng số thành viên của Hội đồng (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản). Riêng đối với các danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Anh hùng Lao động”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân” phải có số phiếu đồng ý của các thành viên Hội đồng từ 90% trở lên, tính trên tổng số thành viên của Hội đồng. Việc bình xét phải được ghi thành biên bản.

3. Trong xét khen thưởng tổng kết năm, các cơ quan, đơn vị, địa phương phải cân đối tỷ lệ khen thưởng hợp lý giữa người giữ chức vụ lãnh đạo quản lý và người không giữ chức vụ. Trên cơ sở so sánh thành tích giữa các cá nhân có cùng chức trách nhiệm vụ được giao, phân định thành các nhóm để xét như sau:

Nhóm 1: Cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo (Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương).

Nhóm 2: Công chức, viên chức không giữ chức vụ (chuyên viên, cán sự).

Nhóm 3: Nhân viên, người lao động.

4. Khi trình khen thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” và các danh hiệu, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm công khai các tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng trên phương tiện thông tin thuộc thẩm quyền quản lý.

Chương VI

THỦ TỤC HỒ SƠ, THỜI GIAN TRÌNH HỒ SƠ KHEN THƯỞNG, HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG VÀ QUẢN LÝ HỒ SƠ KHEN THƯỞNG

Điều 18. Thủ tục hồ sơ

1. Thủ tục hồ sơ đề nghị khen thưởng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ, quy định của UBND tỉnh và quy định của UBND thành phố về bộ thủ tục hành chính áp dụng trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng.

2. Căn cứ tiêu chuẩn của các loại danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, các hồ sơ đề nghị khen thưởng phải đảm bảo số lượng, đầy đủ các thủ tục liên quan và chứng minh đạt được tiêu chuẩn khen thưởng theo quy định. Để kiểm tra tính xác thực của hồ sơ, báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng, khi cần thiết, cơ quan chuyên môn về thi đua, khen thưởng đi cơ sở để thẩm định thành tích hoặc yêu cầu đơn vị trình khen cung cấp các văn bản chứng minh hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ có đề tài sáng kiến, đạt các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng ở cơ sở.

3. Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị được khen thưởng phải phù hợp với hình thức, mức hạng khen thưởng theo quy định. Nội dung báo cáo thành tích thực hiện theo mẫu quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Đối với thủ tục, hồ sơ đơn giản (khen thưởng đột xuất)

Các trường hợp xét khen thưởng theo thủ tục đơn giản được thực hiện theo quy định tại Điều 85 của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương xét và đề nghị khen thưởng ngay sau khi cá nhân, tập thể lập được thành tích xuất sắc, đột xuất.

Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản gồm 01 bộ (bản chính) gồm có:

- Tờ trình đề nghị của các cơ quan, đơn vị, địa phương;
- Bản tóm tắt thành tích của các cơ quan, đơn vị, địa phương, trong đó ghi rõ hành động, thành tích, công trạng đề nghị khen thưởng.

Điều 19. Thời gian trình hồ sơ khen thưởng

1. Khen thưởng cấp thành phố:

a) Khen thưởng thường xuyên: Thời gian trình hồ sơ khen thưởng trước ngày 15/12 hàng năm. Đối với ngành Giáo dục và Đào tạo, thời gian đề nghị khen thưởng tổng kết năm học trước ngày 15/6 hàng năm;

b) Khen thưởng theo đợt, chuyên đề: Thời gian đề nghị khen thưởng trước ngày dự kiến trao thưởng ít nhất 07 ngày làm việc;

c) Khen thưởng đột xuất: Thời gian trình hồ sơ khen thưởng trước 03 ngày làm việc.

2. Khen thưởng cấp tỉnh :

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 19 Quy chế về quản lý công tác thi đua, khen thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

3. Khen thưởng cấp Nhà nước:

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 19 Quy chế về quản lý công tác thi đua, khen thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Điều 20. Thời gian thông báo kết quả xét khen thưởng

1. Các trường hợp đủ điều kiện, tiêu chuẩn, hồ sơ theo quy định và được cấp có thẩm quyền quyết định khen thưởng, trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định khen thưởng, cơ quan thẩm định hồ sơ thông báo cho đơn vị trình khen biết.

2. Các trường hợp không đủ điều kiện, tiêu chuẩn, hồ sơ theo quy định, trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan thẩm định hồ sơ thông báo bằng văn bản cho đơn vị trình khen thưởng biết.

Điều 21. Hiện vật khen thưởng

Thực hiện theo Nghị định số 85/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ Quy định mẫu huân chương, huy chương, kỷ niệm chương; mẫu bằng, khung, hộp cờ của các hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua; quản lý, cấp phát, cấp đổi, cấp lại, thu hồi hiện vật khen thưởng.

Điều 22. Quản lý, lưu trữ hồ sơ khen thưởng

Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm quản lý, lưu trữ hồ sơ khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương mình để thuận tiện cho việc tra cứu hồ sơ giải quyết đơn, thư khiếu nại hoặc xác nhận khen thưởng khi các đối tượng có yêu cầu. Chế độ bảo quản hồ sơ thực hiện theo quy định về lưu trữ.

Chương VII QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 23. Sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng

1. Nội dung chi: Thực hiện theo quy định tại Điều 66 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Thực hiện trích 20% trong tổng Quỹ thi đua, khen thưởng của từng cấp để chi cho công tác tổ chức, chỉ đạo các phong trào thi đua, cụ thể:

a) Chi tổ chức phát động các phong trào thi đua thường xuyên, thi đua theo đợt, thi đua chuyên đề; các hoạt động thi đua, khen thưởng cụm, khối;

b) Chi tham gia, tổ chức hội nghị tập huấn nghiệp vụ, hội thi về thi đua, khen thưởng; tuyên truyền nhân rộng các điển hình tiên tiến trên các phương tiện thông tin báo, đài;

c) Chi bồi dưỡng cho các thành viên và cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố để nghiên cứu thực hiện tổ chức các phong trào thi đua, nghiên cứu thẩm tra hồ sơ khen thưởng và nội dung chương trình công tác của Hội đồng;

d) Chi bồi dưỡng cho cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố, cán bộ chuyên trách, cán bộ kiêm nhiệm làm thêm ngoài giờ, đi công tác;

đ) Chi tổ chức các cuộc họp của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; xây dựng quy chế, chính sách về thi đua, khen thưởng;

e) Chi tổ chức, tham gia hội nghị ký kết giao ước thi đua, hội nghị sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, biểu dương điển hình tiên tiến trong các phong trào thi đua yêu nước;

g) Chi cho việc đi trình hồ sơ khen thưởng thành tích cấp Nhà nước;

h) Chi công tác kiểm tra, giám sát công tác thi đua, khen thưởng và giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo về chính sách khen thưởng ở cơ sở;

i) Chi đi học tập kinh nghiệm các điển hình tiên tiến, nhân tố mới các huyện, thành phố trong tỉnh và các tỉnh trong cả nước;

k) Một số khoản chi khác phục vụ trực tiếp cho công tác tổ chức, chỉ đạo phong trào thi đua, công tác khen thưởng.

Điều 24. Mức tiền thưởng và chế độ ưu đãi

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 68, Điều 69, Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73, Điều 74, Điều 75 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Đối với các trường hợp được khen thưởng đột xuất: Tùy theo thành tích phạm vi, tác dụng nêu gương và khả năng quỹ khen thưởng để khen thưởng thích đáng cho từng trường hợp nhưng tối đa không quá ba lần mức thưởng quy định. Trường hợp đặc biệt, đơn vị trình khen và phòng Nội vụ thống nhất đề xuất Chủ tịch UBND thành phố hình thức khen thưởng và mức thưởng phù hợp với thành tích, công trạng đạt được của tập thể, cá nhân đảm bảo quy định của pháp luật.

Điều 25. Nguyên tắc chi tiền thưởng từ quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp nào do cơ quan Thi đua - Khen thưởng cấp đó quản lý; nguồn trích, tỉ lệ, mức trích trên cơ sở dự toán kế hoạch và quyết toán theo quy định hiện hành.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc cấp nào ra quyết định khen thưởng thì cơ quan, đơn vị đó có trách nhiệm chi tiền thưởng kèm theo hình thức khen thưởng từ quỹ thi đua, khen thưởng do cơ quan, đơn vị mình quản lý.

3. Khen thưởng các chương trình mục tiêu được trích từ nguồn kinh phí hoạt động của chương trình, trường hợp nguồn kinh phí chương trình mục tiêu không được trích thưởng thì mới được chi thưởng từ quỹ thi đua, khen thưởng của thành phố.

4. Quỹ thi đua, khen thưởng phải được sử dụng đúng mục đích, công khai, minh bạch, hàng năm phải báo cáo quyết toán tình hình sử dụng quỹ theo quy định hiện hành.

Chương VIII

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, THÀNH PHẦN

HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG CÁC CẤP

Điều 26. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp

1. Tham mưu cho cấp ủy đảng, chính quyền tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng; tổ chức các phong trào thi đua yêu nước gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đơn vị, địa phương;

2. Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và trong từng giai đoạn;

3. Phát hiện, bồi dưỡng, nhân rộng các điển hình tiên tiến;

4. Đôn đốc, kiểm tra và giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng;

5. Tham mưu cho Thủ trưởng đơn vị, địa phương khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng cho các tập thể, cá nhân trực thuộc;

6. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp phải có Quy chế làm việc và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên của Hội đồng.

Điều 27. Thành phần của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch UBND thành phố;

b) 02 Phó Chủ tịch Hội đồng: 01 Phó Chủ tịch UBND thành phố phụ trách khối Văn hóa - Xã hội là Phó Chủ tịch thứ Nhất; Trưởng phòng Nội vụ là Phó Chủ tịch Thường trực;

c) Các thành viên Hội đồng là đại diện lãnh đạo các cơ quan: Hội đồng Nhân dân, Ban Tổ chức Thành ủy, Ủy Ban Kiểm tra Thành ủy, Ban Dân vận Thành ủy, UBMTTQ.VN thành phố; Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thành phố, Thanh tra, Công an, Ban Chỉ huy Quân sự, phòng Tài chính-Kế hoạch và phòng Nội vụ thành phố;

d) Phòng Nội vụ thành phố là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp xã, (phường):

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch UBND xã, (phường). Đối với các Phó Chủ tịch và Ủy viên do Chủ tịch Hội đồng quyết định;

b) Cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng là Ủy viên thường trực Hội đồng.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các doanh nghiệp:

Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc, hoặc Tổng Giám đốc doanh nghiệp. Đối với các Phó Chủ tịch và Ủy viên do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

Chương IX

KIỂM TRA, XỬ LÝ VI PHẠM, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VỀ CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 28. Kiểm tra, giám sát công tác thi đua, khen thưởng

1. Phòng Nội vụ (Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố) có trách nhiệm tham mưu Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố tổ chức kiểm tra, giám sát công tác thi đua, khen thưởng tại các cơ quan, đơn vị trong phạm vi toàn thành phố.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm kiểm tra, giám sát công tác thi đua, khen thưởng tại cơ quan, đơn vị, địa phương do mình quản lý.

3. Trưởng cụm, khối thi đua có trách nhiệm kiểm tra, giám sát phong trào thi đua theo nội dung giao ước thi đua đã ký kết.

Điều 29. Trách nhiệm trong việc kê khai và xác nhận thành tích

1. Trách nhiệm của cá nhân: Cá nhân được đề nghị khen thưởng chịu trách nhiệm về tính chính xác trong việc kê khai, báo cáo thành tích đề nghị các cấp xét khen thưởng.

2. Trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương: Chịu trách nhiệm kiểm tra, thẩm định các hồ sơ, báo cáo thành tích và tính chính xác của các hồ sơ, báo cáo thành tích đề nghị xét khen thưởng cho tập thể, cá nhân của đơn vị mình trước khi trình cấp trên.

Điều 30. Xử lý vi phạm

1. Cá nhân, tập thể được khen thưởng; cá nhân, tập thể có thẩm quyền quyết định khen thưởng hoặc trình cấp trên có thẩm quyền quyết định khen thưởng, nếu có hành vi vi phạm trong quá trình kê khai, thực hiện thủ tục và quyết định khen thưởng thì sẽ bị xử lý theo quy định tại Điều 96 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003. Thủ tục, hồ sơ hủy bỏ quyết định khen thưởng thực hiện theo Điều 78 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Cá nhân được tặng thưởng Danh hiệu vinh dự Nhà nước mà vi phạm pháp luật hình sự, bị tòa án xét xử bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật và bị tuyên án tù hình phạt tù có thời hạn trở lên thì bị tước danh hiệu vinh dự Nhà nước. Trường hợp bị xét xử oan, sai được cơ quan có thẩm quyền minh oan, sửa sai thì cá nhân được phục hồi và trao lại danh hiệu đã bị tước. Thủ tục, hồ sơ tước hoặc phục hồi danh hiệu thực hiện theo quy định tại Điều 79 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Điều 31. Khiếu nại tố cáo

1. Cá nhân, tổ chức có quyền khiếu nại, tố cáo về công tác thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền của mình theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

3. Phòng Nội vụ (Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng) và các tổ chức làm công tác thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm tiếp nhận, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, xác minh, tham mưu UBND thành phố, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương giải quyết các khiếu nại, tố cáo về công tác thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền của UBND thành phố, cơ quan, đơn vị, địa phương.

Chương X ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

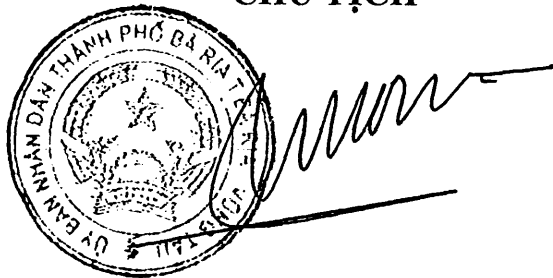
Điều 32. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp, cơ quan Đảng, Đoàn thể thành phố, doanh nghiệp Nhà nước và Chủ tịch UBND các xã, phường căn cứ Quy chế này để xây dựng những quy định cụ thể, phù hợp với cơ quan, đơn vị, địa phương mình. Ngoài các danh hiệu thi đua, nội dung thi đua và hình thức khen thưởng trong Quy chế này, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương có thể có các hình thức động viên khác nhưng không trái với Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Phòng Nội vụ (Thường trực Hội đồng Thi đua-Khen thưởng thành phố) tham mưu UBND thành phố tổ chức hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ về công tác thi đua, khen thưởng; theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện Quy chế này.

3. Quá trình thực hiện có phát sinh, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về phòng Nội vụ để tổng hợp, báo cáo UBND thành phố xem xét bổ sung, sửa đổi kịp thời./.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hoàng